

Số: 1848/BC-SNN

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác 9 tháng năm 2017; phương hướng, nhiệm vụ công tác quý IV/2017.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy tại văn bản số 1668-CV/TU ngày 5/9/2017 về việc chuẩn bị báo cáo quý III, phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2017 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 2775/UBND-TH ngày 07/9/2017 về việc chuẩn bị báo cáo;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quý III và 9 tháng năm 2017; phương hướng, nhiệm vụ công tác quý IV năm 2017, như sau:

I. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác quý III và 9 tháng năm 2017

1. Thực hiện Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017; Chương trình công tác số 01/CTr-UBND ngày 08/01/2017 của UBND tỉnh; Văn bản số 15/UBND-TH ngày 04/1/2017 của UBND tỉnh về việc yêu cầu, rà soát, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, chủ tịch UBND tỉnh giao; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh về ban hành quy định về một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các ngành chức năng, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực ngành quản lý; tổ chức thực hiện các việc trọng tâm tỉnh giao, đã hoàn thành 3/4 nội dung thuộc Chương trình công tác của UBND tỉnh, ngoài ra Sở đã chủ động xác định các việc trọng tâm của ngành, chỉ đạo và giao 58 việc trọng tâm các đơn vị năm 2017; 44 việc thực hiện theo Thông số 443-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra. Tiếp tục hoàn thiện Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp (đã hoàn thiện phương án sử dụng đất của 03 Công ty Sơn Dương, Tuyên Bình, Chiêm Hóa được UBND tỉnh phê duyệt, Sở Tài Nguyên đã thẩm định xong Công ty Yên Sơn trình UBND tỉnh phê duyệt, đang thẩm định phương án Công ty Nguyễn Văn Trỗi; đã có 4/5 Công ty hoàn thiện hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, gửi Sở Tài chính thẩm định, còn Công ty Nguyễn Văn Trỗi đang chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ)

Hoàn thành kế hoạch chi tiết phát triển hàng hóa các sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh (5 cây và 02 con) để đạt mục tiêu Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã đề ra; Kế hoạch kinh tế - xã

hội, kế hoạch đầu tư công năm 2018 thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

(có biểu 01 kèm theo)

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao (tại văn bản số 15/UBND-TH ngày 04/01/2017)

Qua rà soát đến tháng 9/2017, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 28 nội dung; đã thực hiện hoàn thành 22 nội dung, còn 6 nội dung đang trong kỳ hạn tiếp tục thực hiện, trong đó 01 nội dung xây dựng chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh triển khai còn chậm; nguyên nhân là do việc tổ chức khảo sát, xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách và các nội dung liên quan tại cơ sở còn chậm. *(chi tiết tại biểu số 02 kèm theo).*

3. Về sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

Sản lượng lương thực 9 tháng ước đạt 317.458 tấn *(trong đó: Thóc 264.243 tấn; Ngô 53.215 tấn)*, đạt 94,3% KH, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2016.

- *Cây lúa:* Tổng diện tích gieo cấy 45.107 ha, vượt 2,1% KH; năng suất ước đạt 58,6 tạ/ha, đạt 98% KH; sản lượng ước đạt 264.243 tấn, đạt 100,1% KH bằng 100% so với cùng kỳ 2016.

- *Cây ngô:* Ước diện tích thực hiện 15.981 ha, đạt 103,3% KH; năng suất đạt 45,2 tạ/ha, đạt 96,3% KH *(cao hơn 1,6 tạ/ha so với cùng kỳ 2016)*; sản lượng *(gồm vụ xuân, vụ hè thu)* đạt 53.215 tấn, đạt 73,3% KH bằng 99,4% so với cùng kỳ 2016.

- *Cây lạc:* Diện tích thực hiện 4.295 ha, đạt 102,2% KH; năng suất ước đạt 28,2 tạ/ha *(cao hơn 1 tạ/ha so với cùng kỳ 2016)*; sản lượng ước đạt 12.107 tấn *(cao hơn 376 tấn so với cùng kỳ 2016)*.

- *Cây đậu tương:* Ước diện tích thực hiện 853,8 ha, đạt 90,8 % KH; năng suất đạt 20 tạ/ha; sản lượng *(vụ xuân, vụ hè thu)* đạt 1.702,8 tấn, đạt 99,5%KH.

- *Cây chè:* Diện tích thực hiện 8.602 ha, đạt 98,6% KH, sản lượng ước đạt 54.983 tấn, đạt 83,9% KH.

- *Cây mía:* Diện tích thực hiện 10.473 ha, đạt 85,3% KH *(giảm 752 ha so với năm 2016)*; trồng mới 864/1.153 ha, đạt 74,9% KH; trồng lại 1.428/1.673 ha, đạt 85,3% KH.

- *Cây ăn quả:* Diện tích thực hiện 10.998 ha, vượt 29% KH.

- *Đàn trâu:* 114.405 con, đạt 98,6% KH bằng 100,6% so với cùng kỳ năm 2016; đàn bò: 31.278 con, đạt 98,5% KH, tăng 3,4% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: Đàn bò sữa là 3.228 con; đàn lợn: 531.146 con, đạt 84,1% KH bằng 89,2% so với cùng kỳ năm 2016; đàn gia cầm: 5.537 ngàn con, đạt 96% kế hoạch bằng 102,4 % so với cùng kỳ năm 2016; sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm 47.758 tấn, bằng 76% so cùng kỳ năm 2016. Sản lượng thủy sản 5.348,5 tấn đạt 71,3%KH, bằng 101,7% so với cùng kỳ năm 2016.

- Dự ước kết quả trồng rừng 9 tháng: 12.323,3 ha đạt 104,9% kế hoạch, trong đó: Trồng rừng tập trung 11.929,5 ha đạt 104,6% KH, bằng 113,4% so cùng kỳ năm 2016; sản lượng khai thác gỗ rừng trồng 509.541,m³, đạt 60,4%KH, bằng 110,4% so với năm 2016; duy trì độ che phủ của rừng trên 60%.

(Kết quả sản xuất biểu chi tiết 03 kèm theo)

3.1. Về trồng trọt và Bảo vệ thực vật, công tác đảm bảo sản xuất

Công tác chỉ đạo sản xuất được triển khai đồng bộ; hệ thống khuyến nông từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, chuyển đổi cơ cấu giống, tổ chức sản xuất theo khung thời vụ tốt nhất. Phối hợp với các huyện, thành phố rà soát, đánh giá sơ kết sản xuất vụ Đông xuân 2016-2017; triển khai kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ hè thu năm 2017. Vụ Đông Xuân 2016-2017, các cây trồng chính cơ bản đã hoàn thành kế hoạch UBND tỉnh. Tiếp tục phối hợp với chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động trong hoạt động xử lý rác thải (*vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật*) gắn với xây dựng nông thôn mới.

Tổ chức hội nghị đánh giá hiệu quả hoạt động hệ thống khuyến nông tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011-2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác khuyến nông giai đoạn 2017-2020; phối hợp với các ngành, UBND huyện Hàm Yên tổ chức hội nghị tổng kết sản xuất cam năm 2016 nhiệm vụ giải pháp năm 2017; tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả sản xuất, tiêu thụ chè năm 2016 và giải pháp phát triển sản phẩm chè 2017; tham gia đánh giá năng suất vườn chè tại Công ty cổ phần chè Tân Trào. Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện niên vụ 2017-2018. Triển khai tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân tham gia Hội Nông nghiệp hữu cơ.

3.2. Về Chăn nuôi, thú y

Chăn nuôi tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, chăn nuôi tập trung (*trang trại*); số trang trại chăn nuôi tiếp tục tăng, toàn tỉnh có 225 trang trại chăn nuôi (*tăng 28 trang trại so với cùng kỳ năm 2016*). Triển khai thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ (*đã phối hợp với các ngành liên quan xây dựng Hướng dẫn thực hiện Quy định một số chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*). Tham mưu hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tháo gỡ khó khăn trong chăn nuôi lợn. Hướng dẫn, đôn đốc các huyện, thành phố tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi; công tác quản lý, giảm thiểu ô nhiễm môi

trường trong chăn nuôi; tuyên truyền, hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi thực hiện chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường¹,

Xây dựng và thực hiện kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2017². Trong tháng 7 tại xã Minh Dân huyện Hàm Yên có gia cầm chết bất thường với biểu hiện triệu chứng của bệnh cúm gia cầm, qua kết quả mẫu xét nghiệm dương tính với bệnh cúm gia cầm túyp A (H5N6), Sở Nông nghiệp và PTNT đã triển khai các biện pháp phòng chống dịch theo quy định, tổ chức tiêu huỷ toàn bộ đàn gia cầm của 10 hộ với tổng số 867 con gia cầm; hiện nay đàn gia cầm ổn định không phát sinh dịch bệnh.

3.3. Thủy sản:

Sản xuất thủy sản tiếp tục được đẩy mạnh phát triển, đặc biệt là nuôi cá đặc sản bằng lồng trên sông, hồ. Công tác phối hợp với các địa phương tổ chức quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản được tăng cường; Sản lượng thủy sản đạt 5.348,5 tấn bằng 71,3% so với kế hoạch (*tăng 1,7% so với năm 2016*); hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, trị bệnh cho cá nuôi trong lồng trên sông Lô và hồ thủy điện; duy trì nuôi thí điểm cá Dầm xanh, Anh vũ ngoài môi trường tự nhiên theo hướng hợp tác công tư (*đến nay, cá sinh trưởng và phát triển tốt*). Phối hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông và kỹ thuật nuôi cá lồng trên sông hồ cho các cán bộ khuyến nông huyện Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang.

3.4. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Đôn đốc, kiểm tra các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất lâm nghiệp năm 2017; Kết quả trồng rừng đến ngày 15/9/2017, toàn tỉnh trồng rừng tập trung được 11.325 ha, đạt 99,3% KH, (*quý III trồng rừng tập trung được 1.754 ha*); khai thác rừng trồng được 461.048 m³ bằng 54,6 % KH (*quý III khai thác rừng trồng được 154.842 m³*).

Hướng dẫn các công ty Lâm nghiệp thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty. Tham mưu triển khai các nội dung chính của Đề án nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả rừng trồng; triển khai Dự án phát triển lâm nghiệp tinh giai đoạn 2016-2020. (*cụ thể: xây dựng nhà nuôi cấy mô công suất 1,5 triệu cây/năm cho trường Đại học Tân Trào; điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2011 - 2020, bổ xung quy hoạch đến năm 2025; cấp chứng chỉ rừng FSC cho các Công ty lâm nghiệp và hộ gia đình cá nhân trên địa bàn tỉnh là 16.478,5 ha, trong đó thực hiện năm 2017 là 515 ha*). Tổ chức kiểm tra công tác giao rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước đã quy hoạch lại là rừng sản xuất gắn với giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân.

¹ Đến nay có 157 hộ lập kế hoạch bảo vệ môi trường và 4.135 hộ có công trình xử lý chất thải trong chăn nuôi.

² Kết quả tiêm phòng: Đàn trâu: 126.924 lượt con, trong đó: vắc xin LMLM 55.769 con đạt 64,2%KH; THT 71.155 con đạt 82%KH; Đàn bò: 31.961 lượt con, trong đó: vắc xin LMLM 15.404 con đạt 77%KH; THT 16.557 con đạt 82,8%KH; Đàn lợn: 791.736 lượt con, trong đó: Tiêm vắc xin LMLM cho đàn lợn nái, đực giống: 9.265 con đạt 18,5% KH; THT 365.751 con đạt 90,7%KH; dịch tả 416.740 con đạt 103%KH; Đàn gia cầm: tiêm vắc xin THT 1.999.829 con đạt 63,3%KH; Newcatson 2.203.564 con đạt 69,8%KH; tiêm phòng đại 29.380 con đạt 27,4%KH. Đàn dê tiêm phòng bệnh LMLM: 4.101 con đạt 11,3%.

- Tiếp tục thực hiện phương án nâng cao năng lực, trách nhiệm của lực lượng kiểm lâm để làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; bố trí lực lượng và tăng cường tuần tra, bảo vệ tốt tài nguyên rừng hiện có; không để xảy ra tụ điểm nóng về vi phạm pháp luật Bảo vệ và Phát triển rừng, không xảy ra cháy rừng trên địa bàn tỉnh. Trong 9 tháng, đã kiểm tra, phát hiện 408 vụ vi phạm (*giảm 94 vụ so với cùng kỳ năm 2016*), trong đó xử lý hành chính 396 vụ, xử lý hình sự 12 vụ, thu giữ 357,389 m³ gỗ các loại, thu nộp ngân sách nhà nước 3.852,1 triệu đồng.

4. Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất

Tiếp tục phối hợp, theo dõi thực hiện các đề tài, dự án khoa học thuộc lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cán bộ khuyến nông thực hiện mô hình sản xuất hiệu quả; trong 9 tháng năm 2017, toàn tỉnh đã thực hiện được trên 114 mô hình trình diễn áp dụng các giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới như: Giống lúa thuần Kim cương 111, giống lúa thuần Hà Phát 3, giống lúa lai Sut 89GS16, giống lúa lai Bio404 Các mô hình trồng thử nghiệm giống ngô mới như: giống ngô NSC87, giống ngô NK 6639, DCT 6869, giống ngô biến đổi gen DK6919S, nhiều mô hình đã đánh giá, đạt hiệu quả kinh tế cao và được nông dân hưởng ứng nhân rộng ra sản xuất.

Triển khai thực hiện mô hình “Xây dựng và phát triển mô hình áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trồng rừng gỗ lớn mọc nhanh tại tỉnh Tuyên Quang năm 2017” quy mô 42 ha/20 hộ tại xã Trung Trục, Xuân Vân huyện Yên Sơn; phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên triển khai thực hiện mô hình sản xuất chè an toàn nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, quy mô 30 ha tại xã Mỹ Bằng huyện Yên Sơn; mô hình "*cải tạo đàn trâu địa phương bằng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo để nâng cao năng suất, chất lượng*" tại xã Trung Sơn, Đạo Viện Yên Sơn, đã tổ chức cho 5 kỹ thuật viên tham gia đào tạo kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho trâu tại tỉnh Thái Nguyên để thực hiện mô hình. Triển khai thực hiện đề tài: "*Nghiên cứu xác định một số bệnh ở cá Chiên nuôi trong lồng trên sông, hồ và đề xuất các giải pháp phòng trị bệnh*" tại hồ Thủy điện Chiêm Hóa cá phát triển bình thường.

Theo dõi, thực hiện đề tài nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống cam không hạt và nâng cao hiệu quả sản xuất cam; tuyên truyền nhân rộng sản xuất cam (tổ chức 37 lớp tập huấn về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây cam sành trong vùng đề án cam tại huyện Hàm Yên); tuyên truyền nhân rộng chè theo tiêu chuẩn VietGAP. Xây dựng, thực hiện mô hình sản xuất chè theo định hướng hữu cơ tại Tổ hợp tác xã chè Làng Bát xã Tân Thành huyện Hàm Yên, diện tích áp dụng 2,0 ha/5 hộ.

5. Phát triển, nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất

Hướng dẫn, đôn đốc các Hợp tác xã chuyển đổi và hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012; đến nay trên địa bàn tỉnh có 187 HTX³, còn 08 HTX chưa thực hiện chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012 (*trong đó 06 HTX đang hoạt động nhưng chưa đăng ký lại, 02 HTX đã ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh đang chờ giải thể*). Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện cơ chế khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; đến tháng 8/2017 toàn tỉnh có 633 trang trại⁴, trong quý III cấp mới 37 giấy chứng nhận trang trại.

Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn các sáng lập viên xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh và tổ chức Hội nghị thành lập mới đối với 22 Hợp tác xã kiểu mới; Phối hợp với Liên Minh Hợp tác xã, Sở Kế hoạch và ĐT kiểm tra trình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh tại các huyện, thành phố; Phối hợp với HTX nông nghiệp công nghệ cao Tiến Thành tổ chức Hội thảo "Xây dựng và phát triển mô hình liên kết, hợp tác và phát triển sản xuất Nông nghiệp theo chuỗi an toàn sinh học trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang" nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp, HTX và nông dân trực tiếp trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và thực hiện liên doanh, liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp góp phần thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

6. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác phát triển nông nghiệp, nông thôn với Sở Nông nghiệp và PTNT thành phố Hà Nội, kết quả:

+ Tổ chức Tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông sản Tuyên Quang tại thành phố Hà Nội; trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hóa nông nghiệp tại Hội nghị Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh Tuyên Quang năm 2017; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp và hàng thủ công truyền thống tỉnh Tuyên Quang tại Lễ hội Tràng An, tỉnh Ninh Bình; hỗ trợ 01 HTX tham gia Hội chợ nông sản Hợp tác xã, Liên hiệp HTX và doanh nghiệp lần thứ I, tại thành phố Hà Nội; giới thiệu và được công nhận 02 sản phẩm (*Cá Lăng, chè đặc sản Vĩnh Tân*) tham gia bình chọn danh hiệu "Thương hiệu Vàng nông nghiệp Việt Nam 2017". Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm trâu ngổ Tuyên Quang.

+ Xây dựng gian hàng trưng bày sản phẩm cá đặc sản và các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh tại Hà Nội. Kết nối Công ty TNHH Long Giang là đầu mối tiêu thụ một số sản phẩm hàng hóa nông nghiệp (*cá đặc sản, miến dong Hợp*

³ bao gồm 41 HTX thành lập mới, 138 HTX chuyển đổi và 08 HTX chưa chuyển đổi theo Luật HTX năm 2012.

⁴ Trong đó: Trang trại trồng trọt: 173 trang trại, chiếm 27,3 %; chăn nuôi: 225 trang trại, chiếm 35,5 %; lâm nghiệp: 04 trang trại, chiếm 0,6 %; nuôi trồng thủy sản: 01 trang trại, chiếm 0,2 %; tổng hợp: 230 trang trại, chiếm 36,3 %.

Thành, chè xanh Làng Bát, mật ong Tuyên Quang, tinh bột nghệ Tiên Phát, rượu ngô Na Hang) tại Trung tâm trung bày, giới thiệu và phân phối thực phẩm an toàn, số 489 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Hoàn thành đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Chè Tân Thái Dương 168, xã Tân Thành, huyện Hàm Yên và rau an toàn xã Hồng Thái, huyện Na Hang; hoàn thành hồ sơ đánh giá và được cấp chứng nhận nuôi trồng thủy sản tốt Vietgap đối với hợp tác xã Sản xuất Kinh doanh cá đặc sản Thái Hòa và Công ty TNHH lâm sản và dịch vụ Long Giang sản xuất các loại cá đặc sản có giá trị kinh tế cao. Hướng dẫn lập hồ sơ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho 02 sản phẩm: Gạo đặc sản xã Minh Hương, huyện Hàm Yên và Măng khô xã Tân Long, huyện Yên Sơn; hướng dẫn các xã: Trung Yên, Phúc Ứng, Tú Thịnh, Minh Thanh lập hồ sơ công nhận Làng nghề chè.

Tăng cường, tổ chức thực hiện các đợt cao điểm về thanh tra, kiểm tra chất lượng giống, vật tư và vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Chất lượng giống, vật tư được kiểm soát, cung ứng kịp thời theo khung thời vụ. Trong 9 tháng tổ chức kiểm tra, giám sát được 168 lượt cơ sở về vệ sinh an toàn thực phẩm và 94 cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp, phát hiện 06 cơ sở vi phạm đã xử phạt hành chính với tổng số tiền là 14,5 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước theo quy định. Phối hợp xây dựng 10 phóng sự quảng bá, giới thiệu sản phẩm an toàn theo chuỗi cung ứng được xác nhận trên địa bàn tỉnh (*trong đó 09 phóng sự phát sóng trên Đài truyền hình Việt Nam và 01 phóng sự phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh*). Kiểm tra và đã cấp giấy xác nhận cho 06 cơ sở có sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn.

7. Thực hiện các cơ chế chính sách

Hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2021 (*Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh*) và chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh*). Hoàn thiện Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020 (*đã được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ 689/QĐ-UBND*).

Tiếp tục đôn đốc thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi và chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại trên địa bàn tỉnh, tạo nguồn vốn cho nhiều hộ dân phát triển sản xuất. Đến nay, Ngân hàng đã giải ngân cho vay được 261,392 tỷ đồng cho 2.963 hộ và 335 trang trại; Ngân sách nhà nước đã hỗ trợ cho hộ gia đình, chủ trang trại được 11.028,72 triệu đồng (*trong đó: Hỗ trợ lãi suất tiền vay 9.933,72 triệu đồng, sản xuất theo VietGAP 897,0 triệu đồng, đăng ký nhãn hiệu sản phẩm và xúc tiến thương mại 198 triệu đồng*).

Tiếp tục hướng dẫn các Hợp tác xã, doanh nghiệp thực hiện Quyết định 10/2015/QĐ-UBND ngày 17/7/2015 của UBND tỉnh. Kết quả, đã trình Sở Tài

Chính thẩm định kinh phí thực hiện dự án cánh đồng lớn của Công ty Cổ phần Giống - Vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang, hiện nay đang chỉnh sửa hoàn thiện lại dự án để trình UBND tỉnh phê duyệt. Huyện Chiêm Hóa đã phối hợp với Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương thực hiện 01 dự án cánh đồng mía lớn quy mô 11 ha tại xã Tân Thịnh và đang chuẩn bị triển khai dự án cánh đồng mía giống tại xã Vinh Quang. Có 01 Hợp tác xã thực hiện liên kết sản xuất mía nguyên liệu với 800 hộ dân, quy mô 214 ha (*HTX NLN Tam Đa, Sơn Dương*).

Công ty Cổ phần chè Mỹ Lâm xây dựng mô hình liên kết sản xuất mới với diện tích trên 200 ha theo phương thức: Công ty thành lập các tổ dịch vụ thực hiện bón phân, phun thuốc, thu hái; nông dân thực hiện các công việc còn lại và tham gia quản lý vườn chè; hình thức này giúp quản lý chặt chẽ được chất lượng nguyên liệu và sản phẩm.

8. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

Xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Tuyên Quang chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2017-2020 ngành Nông nghiệp và PTNT. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định “*Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020*”. Hoàn thiện Đề án kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang. Tiếp tục kiểm tra, giám sát và đôn đốc 07 xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017 đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch vốn, công việc đã được giao tại Quyết định 142/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh. Tham mưu đề xuất các dự án thực hiện Đề án thí điểm và nhân rộng mô hình bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại các xã khó khăn giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 26/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Hoàn thành tổ chức lớp tập huấn bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện năm 2017.

Đến ngày 15/9/2017: 04 xã đạt 12 tiêu chí (*xã Khuôn Hà, xã Thái Hòa, xã Đại Phú, xã Hồng Lạc*), 01 xã đạt 13 tiêu chí (*xã Kim Phú*), 01 xã đạt 15 tiêu chí (*xã Hòa Phú*), 01 xã đạt 18 tiêu chí (*xã Trung Môn*).

- *Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn*: Hoàn thiện hồ sơ thiết kế, báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với 08 cụm công trình; triển khai đầu tư xây dựng 03 cụm công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nông thôn; tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định bàn giao đưa vào quản lý các công trình cấp nước nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo Thông tư 54 của Bộ Tài chính. Lập thủ tục trình phê duyệt chủ trương đầu tư, lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn giai đoạn 2016-2020 cho 16 công trình.

- *Công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu*: Xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai; Tổ chức kiểm tra hệ thống đê điều, hướng dẫn quản lý, khai thác các công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả; thường trực công tác phòng chống lụt bão trên địa bàn tỉnh; kết quả tổng hợp ảnh hưởng của thiên tai đến tháng 9/2017: có 102 nhà bị ảnh hưởng; lồng bè

bị thiệt hại, cuốn trôi: 40 lồng, ước lượng cá cuốn trôi 87,5 tấn; Ao tràn bờ 3,96 ha; trên 900km kênh mương, 10 công trình thủy lợi bị hư hỏng; 02 phai tạm, 06 cầu dân sinh bị hư hỏng cuốn trôi; đường bị sạt lở khối lượng trên 5.000m³ Diện tích lúa bị vùi lấp: 4 ha, bị ngập, lũ tràn qua: 339 ha, 01 cầu phao bị đứt cáp neo..Sở đã phối hợp với UBND huyện nhanh chóng, hướng dẫn các biện pháp khắc phục, đến nay đã khắc phục thiệt hại, ổn định cuộc sống và sản xuất trở lại của người dân.

Phối hợp với các huyện, thành phố thực hiện kế hoạch di chuyển dân ra khỏi vùng thiên tai nguy hiểm, đến nay đã di chuyển được 90 hộ/90 hộ đạt 100% KH, sau mưa bão các huyện rà soát thêm 23 hộ trong diện di chuyển đến nay đã di chuyển được 10 hộ.

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và vùng sản xuất hàng hóa, xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016-2020.

Phối hợp với các ngành, UBND huyện, thành phố tập trung thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh, kết quả đến ngày 15/9/2017:

Về thực hiện kế hoạch năm 2016: Đã thi công 45,416 km kênh mương, đạt 93,8%KH; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 69,58km/68,61km đạt 101,4%KH; cung ứng xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên được 84/122 nhà đạt 68,9%, trong đó số nhà đã cung ứng đầy đủ là 57 nhà, số nhà đã xây dựng xong và đưa vào sử dụng 29 nhà.

Về thực hiện Kế hoạch năm 2017: Đã cung ứng cấu kiện kênh bê tông đúc sẵn kiên cố hóa kênh mương 173,9 km kênh, đạt 95,3%KH; thi công lấp đặt 56,92km/182,4 km, đạt 31,2% kế hoạch; bê tông hóa đường giao thông nội đồng và đường vào khu sản xuất hàng hóa được 25,25km, đạt 28,6% KH; cung ứng xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố gắn với sân thể thao và khuôn viên được 71/149 nhà, trong đó cung ứng đầy đủ là 43 nhà, số nhà đã xây dựng xong và đưa vào sử dụng 14 nhà.

- Về thực hiện Dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn

Hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện các hoạt động thuộc Dự án VIE/035 năm 2017. Đến nay, đã thực hiện xong 21 hoạt động; các hoạt động đã thực hiện đều đáp ứng về tiến độ và chất lượng theo yêu cầu. Đã hoàn thiện các thủ tục quyết toán với Dự án VIE/035 theo quy định.

Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ Đề xuất Dự án " phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang" thuộc nguồn vốn IFAD; hoàn thiện các báo cáo chuyên đề phân tích thực trạng sản xuất nông, lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang; phân tích kinh tế tài chính các mô hình cây, con chính có tiềm năng; thực trạng an ninh lương thực và dinh dưỡng tại địa phương; báo cáo phân tích cơ hội một số chuỗi giá trị chính và Đề xuất hoạt động ưu tiên hỗ

trợ trong giai đoạn tới; phối hợp chuẩn bị tốt các nội dung để làm việc với đoàn thiết kế Dự án Phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu (*dự kiến thời gian từ 24-28/9/2017*).

9. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh.

Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết công việc theo cơ chế “Một cửa”. Rà soát, xây dựng báo cáo kết quả 01 năm thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 27/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*khóa XVI*) về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016-2020. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2017, định hướng đến năm 2020. Thực hiện nghiêm việc cắt giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở cho các doanh nghiệp và người dân. Trong 9 tháng, Sở đã tiếp nhận và chuyển cho các đơn vị giải quyết: 2.012 hồ sơ, trong đó số hồ sơ đã giải quyết xong: 1.954 hồ sơ (*trong đó: Giải quyết đúng hạn 1.692 hồ sơ, có 259 hồ sơ giải quyết trước thời hạn và hồ sơ giải quyết quá hạn là 03 hồ sơ*), hiện nay đang giải quyết 45 hồ sơ, hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định trả lại 13 hồ sơ. Thường xuyên cập nhật đăng tải các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên trang thông tin điện tử của Sở, tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức tìm hiểu, giám sát và thực hiện.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã sớm triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao; chủ động tham mưu, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh để tổ chức thực hiện. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo được thực hiện đồng bộ chặt chẽ, hiệu quả; thực hiện tốt công tác đảm bảo sản xuất; tăng cường xúc tiến thương mại; luôn tạo điều kiện và giúp đỡ doanh nghiệp, hợp tác xã cùng tháo gỡ khó khăn trong sản xuất; ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất tiếp tục được tăng cường; công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực nông nghiệp được thực hiện hiệu quả. Tuy nhiên vẫn còn khó khăn, hạn chế sau:

- Năm 2017, sản lượng cung thịt lợn trong cả nước tăng, giá lợn hơi trên thị trường xuống thấp, người chăn nuôi gặp nhiều khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm. Theo quy luật cung cầu, khi giá thịt lợn xuống thấp thì giá cả các hàng hóa thay thế cho sản phẩm thịt lợn như thịt gà, thịt bò, thịt trâu... cũng giảm theo, người chăn nuôi sẽ giảm quy mô sản xuất, tổng đàn chăn nuôi có xu hướng giảm, do vậy tốc độ tăng đàn thấp hơn so với các năm trước, không đạt kế hoạch đề ra và thấp hơn so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội.

- Tiến độ trồng mới, trồng lại cây mía chậm và không đạt kế hoạch (trồng mới 864 ha, đạt 74,9% KH; trồng lại 1.428 ha, đạt 85,3% KH). Nguyên nhân chủ yếu là do sự phối hợp giữa Công ty cổ phần Mía đường Sơn Dương với Ban chỉ đạo cấp huyện, xã trong việc tổ chức sản xuất chưa chặt chẽ, tiến độ thu mua mía nguyên liệu vụ ép năm 2016-2017 chậm, kéo dài; chính sách hỗ trợ giá thu mua mía ban hành chậm; thu nhập từ trồng mía chưa thật sự thu hút người dân đầu tư. Một số loại cây ăn quả cho hiệu quả kinh tế cao hơn cây mía nên nhiều hộ trồng mía chuyển đổi từ cây mía sang trồng cây ăn quả. Việc đầu tư thâm canh, chăm sóc chưa đảm bảo quy trình kỹ thuật. Việc cải tạo, thay thế những giống bị thoái hóa, có năng suất, chất lượng thấp còn chậm.

- Tiến độ thực hiện sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động các Công ty TNHH MTV lâm nghiệp thuộc tỉnh quản lý thực hiện còn chậm so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân: Việc rà soát lập phương án sử dụng đất, lập hồ sơ ranh giới sử dụng đất, lập bản đồ theo Thông tư số 07/2015/TT-BTNMT ngày 26/02/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gặp nhiều khó khăn, do hiện tại các Công ty đã được UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình rà soát để lập phương án sử dụng đất thì hiện trạng và diện tích trên bản đồ giao đất có sự sai khác so với hiện trạng thực tế nên mất nhiều thời gian để chỉnh lý. Diện tích rừng trồng của các công ty lớn, việc kiểm kê đánh giá tài sản rừng trồng phức tạp, đối với rừng trồng có trữ lượng phải thực hiện điều tra, đo đếm để tính toán sản lượng gỗ. Việc giải quyết diện tích bị lấn, bị chiếm gộp nhiều khó khăn.

- Cơ chế hỗ trợ sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển trang trại đã được đông đảo nhân dân hưởng ứng, tuy nhiên công tác triển khai ở cơ sở, và việc thực hiện các bước thủ tục hỗ trợ còn chậm do nhu cầu vay vốn của người dân lớn, khối lượng hồ sơ nhiều, Ngân hàng huyện phải mất thời gian kiểm tra, thẩm định lâu nên kéo dài về thủ tục cho vay vốn.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng và giải ngân nguồn vốn được giao theo kế hoạch năm 2017 tại các huyện, thành phố thực hiện còn chậm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP QUÝ IV NĂM 2017

1. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, chương trình công tác

Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện 58 việc trọng tâm các đơn vị năm 2017; 44 việc thực hiện theo Thông số 443-TB/TU của Thường trực Tỉnh ủy theo đúng lộ trình kế hoạch đề ra. Tập trung hoàn thiện Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp, hoàn thiện các nội dung công việc xác định giá trị tài sản nhà nước tại doanh nghiệp để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Tham mưu xây dựng Hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2021 và chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tiếp tục phối hợp với các ngành, UBND các huyện,

thành phố đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế hỗ trợ sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản và hỗ trợ phát triển trang trại;

Tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp đảm bảo sản xuất vụ đông, đông xuân 2017-2018; thực hiện di chuyển các hộ dân ở vùng nguy hiểm do thiên tai, vùng rừng đặc dụng, phòng hộ xung yếu đến nơi an toàn.

Tiếp tục phối hợp với các đơn vị rà soát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của các ngành (*đặc biệt là tiến độ giải ngân*), tham mưu đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản; tái cơ cấu các lĩnh vực gắn với phát triển sản xuất hàng hóa

2.1. Các chỉ tiêu sản xuất

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng vụ đông: 5.814 ha, trong đó ngô 3.264 ha, sản lượng 19.244 tấn; diện tích trồng đậu tương 150 ha; diện tích trồng khoai lang 2.400 ha.

- Khai thác gỗ rừng trồng 383.152 m³.

2.2. Về trồng trọt và công tác đảm bảo sản xuất

Chủ động kiểm tra, đánh giá các điều kiện sản xuất ngay từ đầu vụ; bám sát thời vụ, đẩy nhanh tiến độ thu hoạch, làm đất sản xuất vụ đông theo đúng Khung kế hoạch sản xuất vụ đông. Tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

- Tổ chức đăng ký giống theo cơ cấu giống của tỉnh. Tăng cường kiểm tra, quản lý chất lượng giống, vật tư đảm bảo cho sản xuất (*đặc biệt là quản lý nguồn gốc, chất lượng các giống mới đưa vào gieo trồng*).

- Chú trọng công tác theo dõi, dự tính, dự báo sâu bệnh hại trên các cây trồng để có biện pháp phòng, trừ kịp thời, hiệu quả.

- Tăng cường hệ thống khuyến nông thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, nhân rộng các mô hình sản xuất cây vụ đông hiệu quả; chủ động mời gọi, xúc tiến hợp tác liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp với nông dân.

2.2. Chăn nuôi, thú y, thủy sản

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm dịch động vật; kiểm soát chặt chẽ chất lượng thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban chỉ đạo tiêm phòng các xã để nâng cao tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh. Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng và thực hiện phương án phòng chống đối rét, phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc và thủy sản trong mùa đông; Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các biện pháp phòng, chống đối, rét cho đàn gia súc vụ đông; có phương án ứng phó kịp thời với các đợt rét đậm, rét hại (*nếu có*).

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống thủy sản

2.3. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

- Tiếp tục tổ chức khai thác gỗ rừng trồng để đảm bảo công suất hoạt động các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh, kịp giải phóng đất trồng rừng vụ xuân 2018 kịp thời vụ tốt nhất.

- Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các thủ tục cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC.

- Tiếp tục nâng cao năng lực của lực lượng kiểm lâm; bố trí lực lượng, tăng cường cho các địa bàn trọng yếu còn nhiều rừng tự nhiên, khu vực giáp danh với tỉnh bạn, phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng tổ chức quản lý bảo vệ tài nguyên rừng hiệu quả. Nắm chắc tình hình cơ sở, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng.

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt việc cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng và kiểm soát lửa rừng, nhất là những khu vực trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trong mùa khô hanh; bố trí cán bộ thường trực 24/24 giờ trong ngày để tiếp nhận, xử lý kịp thời những thông tin liên quan đến vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng.

2.4. Xây dựng, quảng bá, bảo vệ thương hiệu, xúc tiến thương mại, quản lý chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm

Chỉ đạo các đơn vị xây dựng các mô hình sản xuất, các chuỗi sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa theo hình thức liên kết sản xuất giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác với doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp hàng hóa. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tiếp tục quảng bá, xúc tiến thương mại các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung việc nghiên cứu đánh giá sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực trên thị trường, dự báo thị trường để định hướng tổ chức sản xuất sát với nhu cầu thị trường; tích cực tìm kiếm thị trường đầu ra cho các sản phẩm nông sản của tỉnh; tìm kiếm doanh nghiệp thực hiện ký kết tiêu thụ sản phẩm cho nông dân đảm bảo ổn định, bền vững. Tiếp tục phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại nông nghiệp Hà Nội tổ chức quảng bá, giới thiệu và kết nối tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa nông sản trên địa bàn tỉnh đến các doanh nghiệp, siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tăng cường, tổ chức thực hiện có hiệu quả những đợt cao điểm về thanh tra, kiểm tra chất lượng giống, vật tư và vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường thực hiện kiểm tra chất lượng giống, vật tư trước, trong thời vụ sản xuất, thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông

ngiệp trên địa bàn; đảm bảo chất lượng giống, vật tư cung ứng cho sản xuất được kiểm tra theo Khung thời vụ.

3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các chương trình phát triển nông thôn

- *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các huyện, các xã tập trung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch năm 2017. Tích cực huy động toàn xã hội tham gia, lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình, dự án tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn, trong đó ưu tiên xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất và hỗ trợ sản xuất hàng hóa để tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Tham mưu xây dựng và thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Đổi mới và nâng cao hiệu quả khai thác các công trình thủy lợi. Tiếp tục thực hiện dự án đầu tư di dân khẩn cấp ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét, sạt lở đất và đặc biệt khó khăn. Tiếp tục hướng dẫn thực hiện củng cố, đổi mới các hợp tác xã nông lâm nghiệp.

- *Thực hiện dự án Hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn*: Tiếp tục hoàn thiện các nhiệm vụ Đề xuất Dự án " phát triển kinh doanh nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang" thuộc nguồn vốn IFAD; hoàn thiện các báo cáo chuyên đề; phối hợp thực hiện các nội dung theo đoàn chuyên gia IFAD thiết kế Dự án phát triển kinh doanh nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Tuyên Quang đảm bảo hiệu quả.

4. Cải cách hành chính, xây dựng cơ quan trong sạch, vững mạnh

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính của các đơn vị thuộc Sở. Tiếp tục thực hiện hiện tốt công tác cải cách hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế "Một cửa". Tiếp tục áp dụng phần mềm Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp tới cán bộ, công nhân viên chức lao động của Sở.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: *pm*

- TT Tỉnh ủy (B/c);
- UBND tỉnh(B/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- TT Đảng ủy;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT; KH-TC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Việt

NHIỆM VỤ TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CHỦ YẾU CỦA UBND TỈNH NĂM 2017

(Kèm theo Báo cáo số 1848 /BC-SNN, ngày 18 /9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Thời gian thực hiện					Tiến độ thực hiện đến nay
			Báo cáo Sở	Trình UBND tỉnh	Trình cấp ủy và ban hành	Trong đó nội dung trình xin ý kiến		
						Thường trực Tỉnh ủy	BTV Tỉnh ủy	
1	Quy định về hỗ trợ trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ và trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2020.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 3	Tháng 4				UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 về việc trợ cấp gạo trồng rừng thay thế nương rẫy theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ.
2	Chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2018-2021.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017.
3	Phương án chuyển đổi, sắp xếp các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp: Chiêm Hóa, Yên Sơn, Tuyên Bình, Sơn Dương.	Chi cục Kiểm lâm	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	UBND tỉnh đã phê duyệt phương án sử dụng đất của 03 Công ty (Sơn Dương, Tuyên Bình, Chiêm Hóa). Sở Tài chính đang thẩm định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Sơn Dương. Còn 04 Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp: Nguyễn Văn Trỗi, Yên Sơn, Chiêm Hóa, Tuyên Bình đang phối hợp với đơn vị tư vấn để hoàn thiện hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp; dự kiến hoàn thành gửi Sở Tài chính thẩm định trước ngày 31/8/2017.
4	Chính sách khuyến khích phát triển tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.	Chi cục Thủy lợi	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5	HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017.

Biểu số 02:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO (Thời điểm báo cáo: tháng 9/2017)

Kèm theo báo cáo số 1848/BC-SNN ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
1	Số 204/UBND-TH	25/1/2017	Về thực hiện kế hoạch ngân sách năm 2017 của Dự án VIE/035	Xây dựng kế hoạch	Trước 28/2/2017	x		Hoàn thành 02 kế hoạch chi tiết, gửi Dự án VIE và TNSP			
2	Kế hoạch số 104/KH-UBND	30/12/2016	Kế hoạch thực hiện chương trình MTQG xây dựng NMT tỉnh Tuyên Quang năm 2017	Ban hành quy định về một số chỉ tiêu, tiêu chí xã NMT tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2017-2020	Quý I/2017	x		- Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành “Một số tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2016-2020”.			
				Kế hoạch, nhu cầu vốn để thực hiện hoàn thành các tiêu chí NTM đối với 07 xã mục tiêu đạt chuẩn năm 2017	Quý I/2017	x		- Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 8/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch vốn tại 7 xã hoàn thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2017			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
3				Xây dựng Kế hoạch Năm cao điểm hành động vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 235/QĐ-BNN-QLCL ngày 24/01/2017		x		Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 21/3/2017 Kế hoạch năm cao điểm hành động vệ sinh ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2017			
4	12/TB-UBND	20/02/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 01,02 năm 2017	Hoàn chỉnh Dự thảo Quyết định " Một số tiêu chí , tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020"	22/02/2017	x		Đã ban hành Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh			
5	208/UBND-NLN	03/02/2017	Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính Phủ tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2016 và triển khai nhiệm vụ năm 2017 của ngành NN và PTNT	Triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 16/TB-VPCP ngày 13/01/2017		x		Đã triển khai các nội dung trong chương trình công tác, nhiệm vụ trọng tâm thực hiện năm 2017 (văn bản số 199/KH-SNN ngày 09/02/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
6	404/UBND-NLN	21/02/2017	Về thực hiện văn bản số 935/BNN-TCLN Ngày 25/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và	Triển khai chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp năm 2017		x		Đã xây dựng Kế hoạch trình UBND tỉnh			
7	425/UBND-NLN	22/02/2017	Về đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa	Chủ trì, phối hợp với các sở liên quan xem xét đề nghị của Công ty cổ phần giấy An Hòa tại văn bản số 07/AHP-NLG ngày 10/01/2017	Trước ngày 28/2/2017	x		Đã tổ chức cuộc họp với các ngành liên quan và tổng hợp báo cáo số 385/SNN-CCKL ngày 2/3/2017 trình UBND tỉnh theo quy định			
8	Số 101/KH-UBND	Ngày 26/12/2016	Về thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	Kiểm soát chặt chẽ hoạt động cung ứng giống, vật nuôi trên địa bàn	05/12 hàng năm	x		Chỉ đạo đơn vị chuyên môn thường xuyên phối hợp với các huyện, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cung ứng giống vật nuôi trên địa bàn (văn bản số 2832/SNN-KH ngày 31/12/2016 về thực hiện kế hoạch số 101/KH-UBND)			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
9	854/UBND-NLN	31/3/2017	V/v kiểm tra, xử lý thông tin đăng trên báo điện tử	Phối hợp kiểm tra, làm rõ các nội dung do Báo Môi trường và Cuộc sống điện tử đưa tin; báo cáo, đề xuất với UBND tỉnh	04/05/2017	X		Báo cáo số 660/BC-SNN ngày 04/4/2017			
10	219/QDD-UBND	21/03/2017	Cử cán bộ công tác tại Xiêng Khoảng....	Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án trồng thử nghiệm một số giống chè mới có năng suất cao tại tỉnh Xiêng Khoảng		x		Báo cáo số 01/BC-SNN ngày 7/4/2017, Báo cáo kết quả làm việc đoàn công tác tại Xiêng Khoảng			
11	20/TB-UBND	23/03/2017	Thông báo Kết luận của Ủy ban nhân dân tỉnh tại kỳ họp tháng 03 năm 2017	Lựa chọn xã làm mẫu thực hiện NQ 03/2016/NQ-HĐND;		x		Đến nay đã lựa chọn được 07 mô hình thuộc 07 huyện, thành phố			
				Thực hiện các biện pháp đẩy nhanh tiến độ trồng rừng; Tăng cường công tác QLBV rừng trồng; Thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng mía; tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư thực hiện DA thuộc lĩnh vực nông nghiệp		x		Văn bản số 765/SNN-CCKL ngày 20/4/2017 về việc đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, khai thác rừng trồng năm 2017			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
12	Số 796/UBND-NLN	Ngày 28/3/2017	Về việc thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu mía niên vụ 2016-2017	Phối hợp với Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương và UBND các huyện, thành phố thực hiện nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản này	Không quy định	x		- Đã Ban hành Hướng dẫn số 580/HD-SNN-ĐSD ngày 27/3/2017 Hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch mía. -Phối hợp với Công ty CP mía đường Sơn tổ chức Hội nghị tổng kết sản xuất mía đường niên vụ 2016-2017 bàn giải pháp thực hiện niên vụ 2017-2018			
13	949/UBND-NLN	04/10/2017	Về thực hiện thông báo số 179/TB-VPCP ngày 4/4/2017 của Văn phòng Chính phủ	Báo cáo về công tác triển khai thực hiện Thông báo số 197/TB-VPCP ngày 04/4/2017 của Văn phòng Chính phủ và về tình hình sử dụng, phân bổ vốn; kiện toàn đầu mối báo cáo		x		Báo cáo số 766/BC-SNN ngày 20/4/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT			
14	26/KH-UBND	Ngày 10/4/2017		Xây dựng Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV	Tháng 5	x		Đã hoàn thiện dự thảo Đề án Bảo vệ môi trường nông thôn trong hoạt động xử lý chất thải bao bì thuốc BVTV, trình UBND tỉnh			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
15	1077/UBND-NLN	19/04/2017	V/v Tăng cường công tác tuyên truyền xử lý rác thải và xác gia súc, gia cầm trong chăn nuôi	Hướng dẫn chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường		x		Văn bản số 675/SNN-CNTY tăng cường công tác quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi			
16	26/KH-UBND	10/04/2017	V/v kiểm soát, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, thủy sản trên địa bàn tỉnh đến năm 2020	Hướng dẫn, phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho khu chăn nuôi, khu nuôi trồng thủy sản, khu giết mổ chế biến tập trung đảm bảo vệ sinh môi trường, ATTP.		x		Văn bản số 112/CNTY-QLG ngày 8/5/2017 về việc triển khai thực hiện kế hoạch số 26/KHG-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh			
17	344/UBND-NLN	16/03/2017	Về việc các Thông tư của Bộ tài chính	Đề xuất UBND tỉnh thực hiện giá dịch vụ công ích thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT				Đang thực hiện	x		

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
18	3065/UBND-NLN	02/11/2016	V/v thực hiện Thông báo số 288-TB/TU ngày 06/10/2016 của Tỉnh ủy Tuyên Quang	Nghiên cứu tham mưu, đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản	30/11/2016		Văn bản số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016 v/v báo cáo, đề xuất chính sách hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản.				
	31/UBND-NLN	06/01/2017	Về đề nghị của Sở NN&PTNT tại văn bản số 2728/SNN-QLCL ngày 19/12/2016	Tham mưu, đề xuất cơ chế, chính sách cụ thể hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường nông, lâm sản					Đã tổ chức điều tra, khảo sát các tổ chức, cá nhân SXKD NLTS đang xây dựng báo cáo đánh giá tác động chính sách và các nội dung liên quan.		
19	1186/UBND-NLN	26/4/2017	v/v xây dựng phương án trồng cây xanh hành lang đường giao thông	Hướng dẫn UBND các huyện thành phố lập phương án trồng cây xanh hành lang ven lộ					Đang liên hệ trực tiếp để hướng dẫn UBND huyện Lâm Bình		

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
20	03/2017/QĐ-UBND	10/04/2017	Quy định chi tiết thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ	Tham mưu triển khai một số nội dung quy định tại khoản 1 điều 3 Quyết định 03/2017/QĐ-UBND	Không quy định	x		Tờ trình số 802/TTr-SNN ngày 24/4/2017, (kèm theo Dự thảo Đề án thực hiện QĐ 03/2017/QĐ-UBND)			Tiếp tục thực hiện
						x		Văn bản số 962/SNN-CNTY ngày 16/5/2017 về việc xin ý kiến góp ý Dự thảo hướng dẫn thực hiện Quyết định 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 của UBND tỉnh			
21	1307/UBND-NLN	09/05/2017	V/v Một số giải pháp ổn định phát triển chăn nuôi và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thịt lợn	Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi áp dụng các biện pháp kỹ thuật về giống, TĂCN, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng để phát triển chăn nuôi gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm		x		Văn bản số 906/SNN-CNTY ngày 9/5/2017			Tiếp tục thực hiện

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú	
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành			
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn		
22	38/TB-UBND	Ngày 26/5/2017	Thông báo kết luận cuộc họp về đánh giá tiến độ thực hiện kết luận của Thủ tướng Chính phủ	Thực hiện các nội dung tại thông báo 150/TB-CPCP ngày 21/3/2017		x		Đã xây dựng kế hoạch số 892/KH-SNN ngày 08/5/2017 giao nhiệm vụ cho các đơn vị chuyên môn thực hiện và báo cáo số 1126/SNN-KH ngày 7/6/2017 về việc báo cáo tiến độ thực hiện kết luận của Thủ tướng			Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thực hiện	
23	1931/UBND-NLN	27/06/2017	Về việc phòng chống dịch cúm gia cầm tại huyện Hàm Yên	Phối hợp với UBND huyện Hàm Yên trong việc phòng chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn xã Minh Dân và toàn huyện theo quy định hiện hành của nhà nước				Báo cáo số 162/BC-CNTY ngày 03/7/2017 báo cáo tình hình bệnh cúm gia cầm trên địa bàn huyện Hàm Yên và các biện pháp phòng chống dịch; Đến ngày 17/7/2017 trên địa bàn xã Minh Dân không phát sinh gia cầm mắc bệnh.				
24	1908/UBND - NLN	30/06/2017	Xây dựng phương án mỗi xã một sản phẩm	Xây dựng đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh, theo nội dung văn bản số 4914/BNN-VPĐP của Bộ NN và PTNT	30/06/2017				Đang phối hợp với các huyện, thành phố lựa chọn và đề xuất phương án			

TT	Số văn bản	Ngày văn bản	Trích yếu	Nội dung theo dõi	Hạn xử lý	Tình hình thực hiện					Ghi chú
						Đã hoàn thành			Chưa hoàn thành		
						Đúng hạn	Quá hạn	Văn bản báo cáo kết quả thực hiện hoặc sản phẩm	Trong hạn	Quá hạn	
25	2033/UBND-TL	04/07/2017	Chỉ đạo khắc phục công trình cấp nước sinh hoạt xã Tân Trào huyện Sơn Dương	Phối hợp với UBND xã Tân Trào kiểm tra xác định các hư hỏng của công trình; thực hiện khắc phục sửa chữa công trình và bàn giao công trình cho đơn vị quản lý			Đã phối hợp với UBND xã Tân Trào kiểm tra xác định các hư hỏng của công trình				
26	Số 1688/UBND-NLN	04/7/2017	Về việc góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	Chủ trì, phối hợp với Sở Tài Nguyên và môi trường, UBND huyện, thành phố tham gia góp ý kiến vào dự thảo Thông tư hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây lâu năm theo quy định tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP	20/6/2018			Văn bản tham gia ý kiến số 1178/SNN-BVTV ngày 14/6/2017			
27	Số 1689/UBND-NLN	42922	Về việc tổ chức hội nghị đánh giá tình hình phát triển sản xuất, tiêu thụ chè	Tổ chức hội nghị đánh giá tình hình phát triển sản xuất, tiêu thụ chè trên địa bàn toàn tỉnh		X		Tổ chức hội nghị ngày 29/6/2017			
28	2369/UBND-TH	02/08/2017	Giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ III, Quốc hội khóa XIV	Xem xét kiểm tra thực tế các ý kiến kiến nghị của cử tri để tham mưu đề xuất giải quyết, đồng thời trả lời ý kiến cử tri theo quy định	21/08/2017			Văn bản số 1627/SNN-TTN và văn bản số 1628/SNN-TTN ngày 16/8/2017 về việc trả lời ý kiến kiến nghị của cử tri xã Đức Ninh Hàm Yên và xã Tam Đa huyện Sơn Dương			

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN TỈNH TUYỀN QUANG 9 THÁNG NĂM 2017

(Kèm theo văn bản số: 1848 /SNN-KH ngày 18/9/2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 9 tháng năm 2016	NĂM 2017										SO SÁNH	
				Kế hoạch	Thực hiện đến 15/9/2017	Tổng số	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017							So với Kế hoạch 2017	So với cùng kỳ
							Chi tiết các huyện thành phố								
							Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình		
NÔNG, LÂM NGHIỆP THỦY SẢN															
	SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT	<i>Tấn</i>	317.771	336.627	317.458	317.458	80.008	72.264	15.759	49.541	65.076	18.375	16.434	94,3	100
	Trong đó: - Thóc	<i>Tấn</i>	264.214	264.037	264.243	264.243	68.241	61.748	13.000	40.419	55.589	11.899	13.346	100,1	100,0
	- Ngô	<i>Tấn</i>	53.557	72.590	53.215	53.215	11.767	10.516	2.759	9.121	9.487	6.477	3.088	73,3	99,4
A	TRỒNG TRỌT														
1	Cây hàng năm														
	Lúa nước cả năm: Diện tích	<i>ha</i>	45.128	44.193	45.107	45.107	11.487	10.453	2.289	6.832	9.430	2.155	2.461	102,1	100,0
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	58,5	59,7	58,6	58,6	59,4	59,1	56,8	59,2	58,9	55,2	54,2	98,0	100,1
	Sản lượng	<i>tấn</i>	264.214,2	264.037	264.243	264.243	68.241	61.748	13.000	40.419	55.589	11.899	13.346	100,1	100,0
<i>a</i>	Lúa lai	<i>ha</i>	21.652,8	23.730	21.133	21.133	5.308	6.274	744	2.700	4.760	694	653	89,1	97,6
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	63,3	63,7	63,1	63,1	64,8	62,8	63,3	62,0	63,1	60,1	58,3	99,0	99,6
	Sản lượng	<i>tấn</i>	136.106,4	151.231	133.287	133.287	34.375	39.429	4.710	16.745	30.052	4.173	3.804	88,1	97,9
<i>b</i>	Lúa thuần	<i>ha</i>	23.474,9	20.463	23.974	23.974	6.179	4.179	1.545	4.132	4.670	1.461	1.808	117,2	102,1
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	54,6	55,1	54,6	54,6	54,8	53,4	53,7	57,3	54,7	52,9	52,8	99,1	100,1
	Sản lượng	<i>tấn</i>	128.107,7	112.806	130.955	130.955	33.866	22.318	8.291	23.674	25.537	7.726	9.543	116,1	102,2
	Diện tích lúa chất lượng		3.635,6		5.666,9	5.667	1.103	1.692	782	747	785	253	306		
<i>j</i>	Vụ xuân: Diện tích	<i>ha</i>	19.994	19.026	19.840,4	19.840,4	5.174	4.713	1.009	3.289	3.952	693	1.010	104,3	99,2
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	59,9	60,9	59,7	59,7	60,4	60,8	59,1	59,0	59,9	54,9	55,8	97,9	99,6
	Sản lượng	<i>tấn</i>	119.739,5	115.915	118.357	118.357	31.260	28.631	5.968	19.396	23.665	3.803	5.633	102,1	98,8
<i>a</i>	Lúa lai	<i>ha</i>	10.803,2	11.930	10.650	10.650	2.820	3.206	353	1.347	2.501	79	344	89,3	98,6
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	63,5	64,1	63,8	63,8	65,3	64,0	66,3	62,5	62,8	60,9	59,0	99,4	100,5
	Sản lượng	<i>tấn</i>	68.581,2	76.530	67.938	67.938	18.430	20.527	2.342	8.424	15.704	480	2.031	88,8	99,1
<i>b</i>	Lúa thuần	<i>ha</i>	9.190,9	7.096	9.191	9.191	2.354	1.507	656	1.942	1.451	614	666	129,5	100,0
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	55,7	55,5	54,9	54,9	54,5	53,8	55,2	56,5	54,9	54,1	54,1	98,8	98,6
	Sản lượng	<i>tấn</i>	51.158,4	39.385	50.419	50.419,3	12.830	8.104	3.627	10.972	7.961	3.323	3.602	128,0	98,6
	Vụ mùa: Diện tích	<i>ha</i>	25.133,6	25.167	25.267	25.267	6.312	5.740	1.280	3.543	5.478	1.462	1.451	100,4	100,5
	Năng suất	<i>tạ/ha</i>	57,5	58,9	57,7	57,7	58,6	57,7	54,9	59,3	58,3	55,4	53,2	98,1	100,4
	Sản lượng	<i>tấn</i>	144.474,7	148.122	145.885	145.885	36.981	33.117	7.032	21.023	31.923	8.096	7.714	98,5	101,0
<i>a</i>	Lúa lai	<i>ha</i>	10.849,5	11.800	10.484	10.484	2.488	3.069	391,4	1.353	2.260	615	308	88,8	96,6

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 9 tháng năm 2016	NĂM 2017										SO SÁNH				
				Kế hoạch	Thực hiện đến 15/9/2017	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017										So với Kế hoạch 2017	So với cùng kỳ	
						Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố											
							Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
	Năng suất	tạ/ha	62,2	63,3	62,3	62,3	64,1	61,6	60,5	61,5	63,5	60,0	57,5	98,5	100,2			
	Sản lượng	tấn	67.525,3	74.701	65.349,2	65.349,2	15.945	18.902	2.368	8.321	14.348	3.693	1.773	87,5	96,8			
b	Lúa thuần	ha	14.284,0	13.367	14.783	14.783	3.825	2.672	888	2.190	3.219	847	1.143	110,6	103,5			
	Năng suất	tạ/ha	53,9	54,9	54,5	54,5	55,0	53,2	52,5	58,0	54,6	52,0	52,0	99,2	101,1			
	Sản lượng	tấn	76.949,4	73.421	80.536	80.536	21.036	14.215	4.664	12.702	17.576	4.403	5.941	109,7	104,7			
1.2	Cây Ngô: Tổng DT gieo trồng	ha	18.822,0	15.475,0	12.716,5	15.981	3.867	3.087	767	2.516	3.224	1.630	888	103,3	84,9			
	Năng suất	tạ/ha	43,6	46,9	45,2	45,2	45,8	45,0	50,4	49,7	43,6	40,9	42,1	96,3	103,6			
	Sản lượng (vụ xuân, vụ mùa)	tấn	53.557,4	72.590	53.215,2	53.215	11.767	10.516	2.759	9.121	9.487	6.477	3.088	73,3	99,4			
a	Vụ xuân	ha	7.687,2	7.445	7.632,3	7.632,3	1.656	1.522	422	1.144	1.173	1.169	546	102,5	99,3			
	Năng suất	tạ/ha	44,4	47,6	45,01	45,01	45,2	46,0	50,4	49,5	42,2	41,0	42,5	94,5	101,4			
	Sản lượng	tấn	34.131,4	35.452	34.350	34.350	7.486	7.002	2.131	5.663	4.950	4.799	2.319	96,9	100,6			
	Trong đó: trên ruộng 1 vụ	ha	2.124,2	2.679	2.368	2.368	567	486	80	248	323	432	232	88,4	111,5			
b	Vụ hè thu	ha	4.329,0	3.830	4.148	4.148	911	815	125	692	1.002	416,2	187,5	108,3	95,8			
	Năng suất	tạ/ha	44,9	46,8	45,5	45,5	47,0	43,1	50,2	50,0	45,3	40,3	41,0	97,2	101,3			
	Sản lượng	tấn	19.426,0	17.914	18.865	18.865	4.282	3.514	628	3.459	4.537	1.677	769	105,3	97,1			
c	Vụ đông	ha	6.805,9	4.200	936	4.200	1.300	750	220	680	1.050	45	155	100,0	61,7			
1.3	Cây đậu tương: Diện tích	ha	860,6	940	853,8	853,8	44	231	2	112	163	301	-	90,8	99,2			
	Năng suất	tạ/ha	18,4	20,0	20	20	21,3	20,0	20,0	19,8	19,5	20,0	-	99,5	108,6			
	Sản lượng	tấn	1.580,0	1.884	1.702,8	1.702,8	94	463	4	222	319	602	-	90,4	107,8			
a	Vụ xuân	ha	239,4	290	199,5	199,5	31	106	1	36	25	1	-	68,8	83,3			
	Trong đó: trên ruộng 1 vụ	ha	114,0	194	125,00	125,0	31	72		9	13			64,4	109,6			
b	Vụ hè thu	ha	488,3	500	504,30	504,30	13	125	1	26	39	300	-	100,9	103,3			
c	Vụ đông	ha	152,9	150	-	150	-	-	-	50	100	-	-	100,0	98,1			
	Trong đó: Trên ruộng 2 vụ	ha	132,9	150		150				50	100			100,0	112,9			
1.4	Lạc cả năm: Diện tích	ha	4.317,0	4.201	4.295	4.295	502	260	49	291	2.673	74	446	102,2	99,5			
	Năng suất	tạ/ha	27,2	29,4	28,2	28,2	21,6	19,0	19,0	20,1	31,9	19,1	26,3	95,7	103,6			
	Sản lượng	tấn	11.731,3	12.368	12.107	12.107	1.085	494	93	586	8.534	142	1.172	97,9	103,2			
a	Vụ xuân	ha	3.215,6	3.162	3.236,2	3.236,2	457	184	37	221	1.932	32	374	102,4	100,6			
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	1.856,1	1.970	1.862	1.862	315	131	26	64	1.131	19	177	94,5	100,3			
b	Vụ hè thu	ha	1.101,9	1.039	1.059	1.059	44	76	12	70	741	43	73	101,9	96,1			
1.5	Khoai lang: Diện tích	ha	3.013,0	2.860	464	464	131	184	19	18	34	50	29	16,2	15,4			
	Năng suất	tạ/ha	61,6	66,0	55,6	55,6	55,5	66,8	59,6	56,0	39,8	27,6	49,1	84,2	90,3			
	Sản lượng	tấn	18.565,0	18.878	2.578	2.578	724	1.228	112	98	134	139	142	13,7	13,9			
a	Vụ xuân	ha	386,2	460	420	420	111	184	17	18	34	29	29	91,3	108,8			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 9 tháng năm 2016	NĂM 2017										SO SÁNH				
				Kế hoạch	Thực hiện đến 15/9/2017	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017										So với Kế hoạch 2017	So với cùng kỳ	
						Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố											
							Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang	Lâm Bình					
	Trong đó: Trên ruộng 1 vụ	ha	152,4	365	199	199	86	83			1		29	54,5	130,6			
b	Vụ hè thu	ha	56		44	44	20		2			22						
2	Cây công nghiệp																	
2.1	Cây mía vùng nguyên liệu	ha	11.225,0	12.283	10.473	10.473	3.591	1.832	277	928	3.662	93	91	85,3	93,3			
	- Diện tích trồng mới	ha	991,0	1.153	864	864	332	150	18	125	217	7	15	74,9	87,2			
	- Diện tích trồng lại	ha	1.178,0	1.673	1.428	1.428	579	202	49	96	488	2	11	85,3	121,2			
	- Diện tích lưu gốc	ha	9.098,6		8.182	8.182	2.680	1.480	210	707	2.957	83	65					
	- Diện tích thu hoạch	ha	11.225,0	12.283	10.473	10.473	3.591	1.832	277	928	3.662	93	91	85,3	93,3			
	Năng suất	tạ/ha	609,8	667,4	648	648	582,9	656,4	498,8	727,1	699,1	672,0	602,0	97,1	106,2			
	Sản lượng	tấn	684.514,0	819.780	678.536	678.536	209.322	120.246	13.804	67.450	256.006	6.239	5.470	82,8	99,1			
2.2	Cây chè																	
	* Diện tích chè tổng số	ha	8.860,0	8.726	8.602	8.602	1.584	2.787	403	2.156	64	1.360	249	98,6	97,1			
	- Diện tích chè đặc sản	ha			1.595	1.595						1.346	249					
	- Diện tích chè trồng mới	ha	41,0	59,0	28	28	8	10		10				47,5	68,3			
	- Diện tích chè trồng lại	ha	25,0	105,0	46	46	25	19		2				43,8	184,0			
	- Diện tích chè kiến thiết cơ	ha	466,0	352	410	410	45	132	-	190		43		116,5	87,9			
	- Diện tích chè cho sản phẩm	ha	8.328,0	8.210	8.119	8.119	1.506	2.627	403	1.954	64	1.317	249	98,9	97,5			
	- Năng suất	tạ/ha	79,0	80	67,7	67,7	72,8	85,1	66,0	68,8	41,3	33,4	36,0	84,8	85,7			
	- Sản lượng (búp tươi)	tấn	65.819,0	65.559	54.983	54.983	10.966	22.351	2.659	13.448	264	4.398	896	83,9	83,5			
3	Cây ăn quả chủ yếu	ha	10.711,7	8.520	10.998	10.998	646	2.023	160	7.349	742	30	48	129,1	102,7			
a	Cây cam	ha	7.730,8	6.096	7.817	7.817	0,56	166	33	7.029	556	16	16,5	128,2	101,1			
	Trong đó: Trồng mới, trồng lại	ha	499,2	249	86	86				86								
b	Cây quýt	ha	120,5	95	120	120		32	1	68	8	2	9	126,4	100,0			
c	Cây nhãn	ha	1.006,5	1.035	1.006	1.006	465	368	43	33	84	5	8	97,2	100,0			
d	Cây vải	ha	491,4	525	491	491	168	187	13	76	34	5	10	93,6	100,0			
e	Cây bưởi	ha	1.362,6	769	1.563	1.563	13	1.270	70	143	61	2	4	203,3	114,7			
II	CHĂN NUÔI, THỦY SẢN																	
1	Tổng đàn trâu	con	113.722,0	115.996	113.050	114.405	21.390	19.800	2.716	15.355	30.500	15.294	9.350	98,6	100,6			
2	Tổng đàn bò	con	30.240,0	31.752	31.278	31.278	11.255	8.759	1.430	3.200	1.501	3.532	1.601	98,5	103,4			
	Trong đó: đàn bò sữa	con	3.106,0	3.212	3.093	3.228	1.070	2.158						100,5	103,9			
3	Tổng đàn lợn	con	595.730,0	631.477	526.301	531.146	127.400	126.200	20.200	71.246	127.700	36.000	22.400	84,1	89,2			

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 9 tháng năm 2016	NĂM 2017										SO SÁNH				
				Kế hoạch	Thực hiện đến 15/9/2017	Ước thực hiện 9 tháng năm 2017										So với Kế hoạch 2017	So với cùng kỳ	
						Tổng số	Chi tiết các huyện thành phố						Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang			Lâm Bình
							Sơn Dương	Yên Sơn	Thành phố	Hàm Yên	Chiêm Hóa	Na Hang						
4	Tổng đàn gia cầm	1000	5.406,1	5.768	5.537	5.537	1.182	1.706	272	768	1.279	207	123	96,0	102,4			
5	Thịt hơi các loại	tấn	62.772,0	62.995	42.451	47.758	10.237	11.136	2.260	9.195	11.998	2.171	760	75,8	76,1			
6	Sản lượng sữa tươi	tấn	12.995,0	13.500	10.620	11.789	4.351	7.438						87,3	90,7			
7	Diện tích nuôi thả cá	ha	11.232,3	11.288	11.238	11.288	819	605	180	558	996	4.560	3.569	100,0	100,5			
	Trong đó: Diện tích nuôi thả trên hồ thủy điện	ha	8.447	8.447	8.447	8.447					447	4.500	3.500	100,0	100,0			
	Số lồng nuôi cá đặc sản có giá trị kinh tế cao	lồng	358		534	534	37	23	70	125	90	168	21		149,2			
8	Sản lượng thủy sản	tấn	5.259,1	7.497,5	4.838	5.348,5	1.280	1.343	603	747	584	454	337	71,3	101,7			
	+ Sản lượng nuôi trồng	tấn	4.950,0	6.776	4.401	4.738	1.239	1.338	592	726	546	208	91	69,9	95,7			
	+ Sản lượng khai thác	tấn	309,1	722	437	610	42	5	11	22	38	246	246	84,5	197,4			
	+ Sản lượng cá đặc sản có giá trị kinh tế cao	tấn	51,0		145	175,51	2	7	14	12	20	120	1					
	LÂM NGHIỆP																	
1	Trồng rừng	ha	10.922,1	11.750	11.719	12.323,3	2.226,2	3.470,9	156,6	2.675,8	2.397,3	700,0	696,5	104,9	112,8			
	<i>Trồng rừng tập trung</i>	ha	10.521,5	11.400	11.325,5	11.929,5	2.201,2	3.391,4	151,1	2.600,0	2.310,8	650,0	625,0	104,6	113,4			
	- Rừng sản xuất	ha	10.260,8	11.150	11.084,6	11.688,5	2.201	3.290	151	2.600	2.311	610	525	104,8	113,9			
	Trong đó: + Doanh nghiệp	ha	1.896,4	2.340	1.936,9	2.365,7	313	355	97	1.100	500	-	-	101,1	124,7			
	+ Hộ gia đình cá nhân	ha	8.364,4	8.810	9.147,7	9.322,8	1.888	2.935	54	1.500	1.811	610	525	105,8	111,5			
	- Rừng phòng hộ, đặc dụng	ha	260,7	250	240,9	240,9	-	101	-	-	-	40	100	96,4	92,4			
1.	<i>Trồng cây phân tán quy diện tích</i>	ha	401	350	393,6	393,8	25	80	6	76	87	50	72	112,5	98,3			
2	Bảo vệ rừng	ha	417.040	417.204	413.376	417.041,4	41.194	76.219	3.931	61.175	97.636	71.129	65.758	100,0	100,0			
	- Bảo vệ rừng tự nhiên	ha	233.273	233.273	233.273	233.273,4	12.940	19.401	706	19.131	62.692	59.521	58.881	100,0	100,0			
	- Bảo vệ rừng trồng	ha	183.767	183.931	180.103	183.768,0	28.254	56.818	3.225	42.043	34.944	11.608	6.877	99,9	100,0			
3	Khai thác																	
	- Diện tích khai thác	ha	3.597	9.750	4.257,5	4.467,9	950	1.584	100	548	917	169	200	45,8	124,2			
	- Sản lượng	m3	461.394	844.200	461.048	509.541	64.500	152.000	9.541	180.000	78.500	10.000	15.000	60,4	110,4			
	Trong đó: + Doanh nghiệp	m3	89.959	164.850	77.834	92.000	16.500	22.000	5.000	30.000	18.500			55,8	102,3			
	+ Hộ gđinh cá nhân	m3	371.435	679.350	383.214	417.540,6	48.000	130.000	4.541	150.000	60.000	10.000	15.000	61,5	112,4			
	Tre nứa NLG	Tấn	21.152	22.100	25.827	25.827,0	-	8.933	5.389	-	5.945	-	5.560	116,9	122,1			
4	Độ che phủ của rừng	%	64,7	>60	>60	>60												